

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2022/HS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Toàn
2. Ông Trương Công Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 24/2022/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 21/9/1996; Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện V, tỉnh T2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Quang T3 (đã chết) và bà Trần Thị Đ; Có chồng là Nguyễn Trọng V1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị Vũ Hương M, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 27, đường B, khu đô thị P, phường Q, thành phố T2, tỉnh T2.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đồng Văn C, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ô 1, xã T4, huyện V, tỉnh T2.

* *Người làm chứng:*

- Chị Phạm Thị Phương L, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P1, xã V2, thành phố T2, tỉnh T2.

- Chị Mai Thị Hồng V3, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã P2, huyện V, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/01/2022, Nguyễn Thị Ngọc A đến cửa hàng Spa của bạn là chị Vũ Hương M để đi lễ chùa. Thấy chị M chưa xuống nên A đi lên tầng 2 rồi đi vào nhà vệ sinh sát phòng ngủ của chị M, A nhìn thấy 01 chiếc vòng đeo tay làm bằng kim loại màu trắng, trên vòng có đính nhiều hạt đá màu trắng của chị M để trên kệ gương trong nhà vệ sinh nên đã nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Quan sát thấy không có ai, A dùng tay phải lấy chiếc vòng và cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi sang phòng chị M chơi. Sau khi đi lễ chùa, ăn cơm trưa cùng chị M, A mang chiếc vòng đeo tay về cất ở quán bán quần áo của mình tại đường T5, thành phố T2. Đến sáng ngày 22/01/2022, do cần tiền tiêu xài, A đã mang chiếc vòng lấy trộm được đi bán, do nghĩ viên đá hình chóp nhọn màu trắng ở trên mặt vòng là kim cương có giá trị nên A đã dùng tay cậy viên đá cất đi, còn chiếc vòng mang đến cửa hàng vàng bạc T6 ở thôn Ô 1, xã T4, huyện V, tỉnh T2 bán cho anh Đồng Văn C lấy 11.000.000 đồng, số tiền này A đã tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 25/02/2022, A cầm viên đá (tháo ra ở chiếc vòng trộm cắp) mang đến cửa hàng vàng bạc T6 để bán. Do anh C không biết viên đá là loại đá gì nên phải đi thăm định xem giá trị thế nào rồi mới mua. A đồng ý để lại viên đá và để lại tên, số điện thoại của mình cho anh C. Trưa cùng ngày, anh C mang chiếc vòng cùng viên đá đến cửa hàng vàng bạc đá quý PNJ ở số 211-213, đường H, thành phố T2 để bán nhưng do không có giấy tờ của chiếc vòng và viên đá nên chị Phạm Thị Phương L là nhân viên bán hàng của cửa hàng PNJ không mua lại. Chị L nhìn chiếc vòng, nhận ra là của chị Vũ Hương M mua tháng 9/2021 tại cửa hàng nên chị L đã liên lạc cho chị M để xác nhận. Khi biết sự việc, chị M đã lên Cơ quan Công an để trình báo.

Khi được Cơ quan điều tra triệu tập lên làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Đến ngày 13/3/2022, bị cáo thay đổi lời khai về vị trí trộm cắp chiếc vòng là ở trong một chiếc túi xách màu be, kích thước 25x20cm để trong tủ gỗ ở gian bếp tầng 1 cửa hàng spa của chị M. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra về, bị cáo đã đến gặp chị M và được chị M cho biết chiếc túi xách đó là của chị Mai Thị Hồng V3 là nhân viên của chị M. Chị Mai Thị Hồng V3 trình bày chị có chiếc túi xách màu be, kích thước 25x20cm, chị không sử dụng đến và để ở phòng ngủ tầng 3 của cửa hàng spa.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 03/01/2022 là 64.600.000 đồng. Trong đó: Trị giá 01 vòng đeo tay bằng vàng trắng, có gắn hạt kim cương là 64.500.000 đồng. trị giá 01 viên đá màu trắng hình chóp nhọn là 100.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKSTPTB ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai về vị trí trộm cắp chiếc vòng là ở trong một chiếc túi xách màu be, kích thước 25x20cm để trong tủ gỗ ở gian bếp tầng 1 cửa hàng spa của chị M.

Bị hại là chị Vũ Hương M đã nhận lại chiếc vòng. Bị cáo đã hoàn trả cho anh Đồng Văn C 11.000.000 đồng. Chị M, anh C không yêu cầu bị cáo phải thanh toán bất kỳ khoản nào khác. Chị M đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tính từ ngày tuyên án.
- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo có sự thay đổi lời khai về vị trí trộm cắp chiếc vòng là ở trong một chiếc túi xách màu be, kích thước 25x20cm để trong tủ gỗ ở gian bếp tầng 1 cửa hàng spa. Hội đồng xét xử xét thấy trong giai đoạn điều tra bị cáo tự nguyện khai báo vị trí trộm cắp tại kệ gương trong nhà vệ sinh tầng 2, cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản xác định hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường có sự tham gia của bị cáo và các thành phần theo quy định của pháp luật, xác định vị trí mà bị cáo trộm cắp chiếc vòng là tại kệ gương trong nhà vệ sinh tầng 2. Chị Mai Thị Hồng V3 là nhân viên của cửa hàng spa trình bày chị có chiếc túi xách màu be, kích thước 25x20cm, chị không sử dụng đến và để ở phòng ngủ tầng 3 của cửa hàng spa. Như vậy, ngoài lời khai của bị cáo, không còn tài liệu nào khác chứng minh. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 03/01/2022, tại số nhà 27, đường B, khu đô thị P, phường Q, thành phố T2, tỉnh T2 của chị Vũ Hương M, Nguyễn Thị Ngọc A đã có hành vi trộm cắp của chị M 01 vòng đeo tay bằng vàng trắng, trên vòng có gắn 76 viên kim cương tự nhiên, kích thước $\approx 1.6\text{mm}$ tròn, 1.8mm vuông và 01 viên đá màu trắng hình chóp nhọn để trên kệ gương trong nhà vệ sinh tầng 2. Trị giá tài sản là 64.600.000 đồng.

Hành vi trên của Nguyễn Thị Ngọc A đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp chiếc vòng đeo tay. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình, đã tự nguyện trả cho anh Đồng Văn C 11.000.000 đồng, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xử phạt tù nhưng cho hưởng

án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản: Đối với 01 điện thoại di động Iphone Xsmax, màu đen, lắp sim 0334030901 là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 25/02/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo. Đối với 01 vòng đeo tay bằng vàng trắng, trên vòng có gắn 76 viên kim cương tự nhiên, kích thước $\approx 1.6\text{mm}$ tròn, 1.8mm vuông và 01 viên đá màu trắng hình chóp nhọn là tài sản hợp pháp của chị Vũ Hương M, ngày 01/4/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M.

Đối với 01 phong bì hoàn trả mẫu vật sau giám định số 27 (01 USB), 02 tờ giấy sao từ sổ ghi chép của cửa hàng vàng T6 có tên và số điện thoại của A chuyển theo hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Hương M đã nhận lại chiếc vòng, bị cáo A đã tự nguyện trả cho anh Đồng Văn C 11.000.000 đồng. Chị M, anh C không yêu cầu bị cáo phải thanh toán bất kỳ khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Đối với anh Đồng Văn C là người mua chiếc vòng của bị cáo, anh C không biết đây là tài sản bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[10] Bị cáo thay đổi lời khai lấy trộm chiếc vòng của chị M trong túi xách của chị Mai Thị Hồng V3. Xét thấy, ngoài lời khai của bị cáo, không còn tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý chị Vân.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- CQ CSĐT CATP Thái Bình;
- CQ THAHS CATP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý